

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 485/2017/QĐST – HNGĐ

Tam Bình, ngày 20 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 480/2017/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, giữa;

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Thu N, sinh năm 1976

Bị đơn: Anh Cao Quang T, sinh năm 1969

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 2 Điều 81 và khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2017.

XT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lưu Thị Thu N và anh Cao Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Thu N và anh Cao Quang T đồng ý thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Cao Thị Thanh T, sinh năm 1995 đã thành niên, chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Cao Thị Thúy H, sinh ngày 24/7/2000 cho chị N nuôi dưỡng. Giao cháu Cao Tấn Đ, sinh ngày 08/6/2010 cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chị N và các thành viên gia đình chị N, không được quyền cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu H.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 anh T và các thành viên gia đình anh T, không được quyền cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Đ.

- Về tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu và nợ phải trả: Không có.

- Về án phí: Chị Lưu Thị Thu N tự nguyện nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) mà chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010369 ngày 12/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nên chị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Dương sự
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu

Võ Ngọc Luận